TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HS-PT
Ngày: 25-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh
Các thẩm phán: Ông Tô Phú Đông
Ông Ngô Tấn Lợi

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vũ Tràng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 2 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị L. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Thị L, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Ấp Mỹ H, xã Tân H1, huyện Phú T, tỉnh An G; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: Không biết chữ, Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1954 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1956; có chồng Nguyễn Văn P, sinh năm: 1973 và con Nguyễn Thị P1, sinh năm: 1995, Nguyễn Văn N, sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 32 ngày 15/10/2018 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị L làm nghề bán vé số. Khoảng tháng 4/2018, L quen biết với bị hại Nguyễn Văn H2. Đến đầu tháng 9/2018, bị cáo L đến ở chung nhà với ông H2 (chỉ ở ban ngày). Thời gian này, L biết ông H2 thường cất giấu vàng trong túi quần hoặc trong bóp da. Sau đó, L và ông H2 xảy ra mâu thuẫn nên nảy sinh ý định trộm tài sản của ông H2.

Khoảng 17h ngày 21/9/2018, ông H2 đi đến nhà của ông Lê Thanh T1 ngụ cùng ấp để uống rượu thì L đã lén lút lấy 03 chiếc nhẫn đeo tay của ông H2 gồm: 01 chiếc mặt hình chữ nhật, trên mặt có chữ JVC, loại vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn (loại nhẫn trơn), mặt trong có chữ Ngọc Lợi, loại vàng 24kara, trọng lượng 05 chỉ và 01 chiếc nhẫn loại nhẫn trơn vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ được ông H2 cất giấu trong túi quần dài vải kaki, màu xám, mắc trên vách nhà bên phải gần cửa nhà sau. Bị cáo L cất giấu tài sản trộm được vào trong túi trước của chiếc quần thun, sọc trắng đen đang mặc, rồi đi bộ về hướng bến đò Tân Hưng, địa phận ấp Tân Phong, xã Tân Huề. Trên đường đi, bị cáo gặp ông Trần Văn M nên hỏi mượn điện thoại di động của ông M để điện thoại kêu anh Nguyễn Văn P (chồng bị cáo) đến rước. Khi qua đò, bị cáo L đi đến khu vực thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, lúc này khoảng 20 giờ cùng ngày thì anh P chạy xe mô tô (không rõ biển số) đến chở L về nhà. Trên đường đi, L lấy 01 chiếc nhẫn vừa trộm được đeo vào tay của anh P, chiếc còn lại thì đeo vào tay của bị cáo L. Sáng ngày 22/9/2018, do không biết nguồn gốc của chiếc nhẫn trên nên P trả lại cho bị cáo, bị cáo L mang 02 chiếc nhẫn đi cất giấu.

Khoảng 19h ngày 21/9/2018, ông H2 về nhà thì phát hiện bị mất trộm tài sản nêu trên nên trình báo đến cơ quan Công an. Đến khoảng 11h20 phút ngày 22/9/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình mời bị cáo L đến làm việc. Tại đây, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong lúc đi bộ ra bến đò bị cáo đã đánh rơi 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ, hiện nay không tìm được, chỉ còn lại 02 chiếc nhẫn trọng lượng 10 chỉ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐ ngày 01/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Bình, kết luận :

- 01 chiếc nhẫn mặt hình chữ nhật, trên mặt có chữ JVC, loại vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ, giá trị 16.800.000đ (05 chỉ x 3.360.000đ);
- 01 Chiếc nhẫn trơn, mặt trong nhẫn có chữ Ngọc Lợi, loại vàng 24kara, trọng lượng 05 chỉ, giá trị 16.300.000đ (05 chỉ x 3.260.000đ);
- 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 6.520.000đ (02 chỉ x 3.260.000đ) ;

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 39.620.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (Một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng (vàng giả), chiều dài 60cm của bị cáo L nên đã trả lại cho bị cáo L.

- 01 (Một) chiếc nhẫn mặt hình chữ nhật, trên mặt có chữ JVC, loại vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ; 01 (Một) Chiếc nhẫn trơn, mặt trong nhẫn có chữ Ngọc Lợi, loại vàng 24kara, trọng lượng 05 chỉ của bị hại H2 nên đã trả lại cho ông Nguyễn Văn H2.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H2 đã nhận lại 02 chiếc nhẫn vàng (trọng lượng mỗi chiếc là 05 chỉ). Còn chiếc nhẫn trơn, vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ, bị cáo L khai đã đánh rơi khi đi từ nhà ông H2 đến bến đò Tân Hưng không truy tìm được. Ông H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo L.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết nào mới có cơ sở để xem xét cho bị cáo ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận bị cáo Nguyễn Thị L không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên mà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 17h ngày 21/9/2018, lợi dụng lúc ông H2 đi đến nhà của ông Lê Thanh T1 để uống rượu thì bị cáo L đã lén lút lấy 03 chiếc nhẫn đeo tay của ông H2 gồm: 01 chiếc mặt hình chữ nhật, trên mặt có chữ JVC, loại vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn (loại nhẫn trơn), mặt trong có chữ Ngọc Lợi, loại vàng 24kara, trọng lượng 05 chỉ và 01 chiếc nhẫn loại nhẫn trơn vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 39.620.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn H2 với tổng giá trị tài sản là 39.620.000 đồng. Bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội "*Trộm cắp tài sản"* là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo L kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo nhưng tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo L là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo L không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, thuộc diện hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị L. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Khắc Thịnh

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐ-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Minh).